

Trao đổi ý kiến về Khoa học - Công nghệ và Giáo dục Đào tạo

Tạp Chí Xã hội học số 4/1996 chuẩn bị ra mắt bạn đọc trong một thời điểm sôi động và hào hứng của việc chuẩn bị cho hội nghị Trung ương lần thứ 2, khóa 8 bàn về Khoa học - Công nghệ và Giáo dục Đào tạo.

Đông đảo có cán bộ khoa học đã có dịp trao đổi ý kiến về dự thảo nghị quyết của Trung ương về các vấn đề mang ý nghĩa "quốc sách hàng đầu" nói trên.

Viện Xã hội học đã mời một số nhà khoa học tham gia mục Diễn đàn xã hội học của Tạp chí Xã hội học. Chúng tôi trân trọng giới thiệu những ý kiến của Giáo sư Hoàng Xuân Sính, Giáo sư Hoàng Tụy, Giáo sư Phạm Tất Dong, Giáo sư Đặng Thanh Lê, Giáo sư Đàm Trung Đôn, Phó tiến sĩ Mai Hà, Giáo sư Văn Như Cương. Chúng tôi hy vọng sẽ tiếp tục nhận được nhiều ý kiến trao đổi trong mục Diễn đàn xã hội học số 1 năm 1997.

Tạp chí Xã hội học

Một số ý kiến về Giáo dục và Khoa học - Công nghệ

HOÀNG XUÂN SÍNH

Hệ thống Chính trị - Kinh tế - An ninh của một quốc gia đòi hỏi một bộ máy rất lớn phục vụ nó, đó là giáo dục, khoa học và công nghệ.

Từ thuở xa xưa, con người đã mong muốn hiểu biết môi trường xung quanh, trước hết để có thể tồn tại, sau là thỏa trí tò mò. Sự hiểu biết đó được ứng dụng vào thực tiễn để con người biết trồng trọt, chăn nuôi, dệt quần áo che thân, chống đỡ bệnh tật..., tất cả các điều đó là khởi đầu của nền khoa học, kỹ thuật, công nghệ của nhân loại. Để truyền sự hiểu biết từ đời này sang đời kia, người ta cần tới trường học, rồi từ đó hình thành nền giáo dục của mỗi quốc gia.

Đường lối chính trị ảnh hưởng sâu xa đến kinh tế, giáo dục, văn hóa, khoa học của một quốc gia, một số luận án tiến sĩ của người nước ngoài đã nghiên cứu triều đại vua Tự Đức để tìm hiểu cơ hội Việt Nam có thể trở thành một nước hùng cường, chứ không phải rơi vào tay thực dân Pháp để chịu gần 100 năm làm một thuộc địa thuần túy là nơi cung cấp tài nguyên xây dựng hạ tầng cơ sở cho nước Pháp. Nếu vua Tự Đức chịu nghe các bài điều trần đề nghị chính quyền cải cách chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học, giáo dục của

Nguyễn Trường Tộ, thì nước Việt Nam lúc đó đã có thể có cơ may trở thành một nước hùng cường tạo nên chuyển biến quan trọng trong lịch sử giữ nước của dân tộc. Cũng trong thời gian đó nước Nhật đã may mắn hơn, tuy cũng ở tình trạng giống như Việt Nam, nhưng đã nhìn thấy phải làm những điều giống như chính sách lớn mà Nguyễn Trường Tộ đã trình với triều đình nhà Nguyễn. Gần một thế kỷ rưỡi trôi qua Việt Nam đã hoàn toàn độc lập, nhưng với bao hi sinh mất mát, và phải chịu một nền kinh tế quá non yếu để cho giáo dục và khoa học phát triển.

Giáo dục và khoa học phát triển sẽ cung cấp nhân lực, nhân tài, kỹ thuật cao cho sản xuất làm kinh tế phát triển bền vững, ngược lại kinh tế phát triển thì mới có ngân sách thích hợp cho giáo dục và khoa học. Sự gấn bó chặt chẽ đó ai cũng nhìn thấy. Nhưng cũng như câu chuyện hơn 100 năm về trước, chính trị đóng vai trò rất quan trọng, đó là mấu chốt của vấn đề tạo ra chuyển biến.

Cái cốt lõi của vấn đề là phải xây dựng đất nước trên nền tảng dân chủ, khoa học, hòa nhập với quốc tế. Đất nước chúng ta hiện đang ở tình huống thời vua Tự Đức ngày xưa: Tự Đức đã không nghe Nguyễn Trường Tộ, còn chúng ta? Ta có nghe Nguyễn Trường Tộ không?

Giáo dục và khoa học mấy kiến nghị

HOÀNG TUY

Trong một bài viết, tôi đã có dịp trình bày những suy nghĩ về giáo dục và khoa học. Trong bài này xin bổ sung thêm một số ý kiến xung quanh các dự thảo nghị quyết về giáo dục và khoa học chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương sắp tới.

1. Trong cả hai văn bản chỉ mới đề cập chủ yếu giáo dục tạm gọi là **chính khóa**, tức là phần giáo dục thực hiện trong các trường, lớp chính qui, theo các cấp học tuần tự: phổ thông, chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học, và sau đại học. Song, trong thế giới ngày nay, do sự phát triển quá nhanh của khoa học, công nghệ, chỉ vài năm một số kiến thức dạy ở nhà trường đã có thể lạc hậu, nên nhu cầu cập nhật thường xuyên kiến thức đã trở nên cấp bách. Do đó giáo dục thường xuyên (hay liên tục), từ chỗ trước đây chỉ có vai trò bổ túc cho giáo dục chính khóa, giờ đây ở các nước phát triển đã tiến lên vị trí quan trọng ngang chính khóa, và theo những thống kê mới nhất, chi phí cho giáo dục thường xuyên ở các nước này đã ngang chi phí cho giáo dục chính khóa. Đối với ta, giáo dục thường xuyên càng quan trọng, vì ngoài các lý do như ở các nước, ta còn có hai đặc điểm mà các nước khác không có: một là phần lớn cán bộ được đào tạo trước thời kỳ đổi mới, về kiến thức có nhiều cái thiếu, thừa, cũ, thậm chí sai, không còn thích hợp, hai là chất lượng đào tạo của ta những năm qua còn quá thấp (trình độ trung bình của kỹ sư của ta đào tạo 5 năm đại học chưa hẳn bằng được kỹ thuật viên ở các nước đào tạo 2 năm sau tú tài; bây giờ với cách đào tạo mới qua đại học đại cương thì có thể còn kém hơn). Do đó, nếu các nước đặt giáo dục thường xuyên cao như vậy, ta càng không thể coi nhẹ được. Hơn bao giờ hết, ở thời đại này muốn tồn tại phải học, học nữa, học mãi, học suốt đời. Muốn vậy phải

có tổ chức tốt, và cũng phải đầu tư. Điều này cần phải nói rõ hơn trong nghị quyết để khi tính toán chi phí cho giáo dục, cần phải dành một tỉ lệ thích đáng cho giáo dục thường xuyên. Không làm như vậy, e rằng sau này sẽ phải tốn kém hơn. Thói quen của nền sản xuất nhỏ là cái gì cũng để nước đến chân mới nhảy: phát triển điện thì chỉ lo lắp sản xuất điện, không lo mạng lưới chuyển tải điện cho kịp thời; về giáo dục, khoa học cũng vậy, đến khi thầy giỏi sắp về hưu cả và các ngành cơ bản kêu cứu thì mới bắt đầu lo. Những sự thiên cận như thế ta đều phải trả giá đắt. Cho nên xin kiến nghị Nhà nước ta, xã hội ta ngay từ bây giờ hãy lo cho giáo dục thường xuyên như giáo dục chính khóa. Đây cũng là biện pháp cực kỳ quan trọng để khắc phục yếu kém về chất lượng đào tạo.

2. Tôi rất tán thành nghị quyết nên **tập trung vào các giải pháp**, còn phần định hướng thì xin mạnh dạn cắt bớt, rút gọn thêm nữa. Vì nhiều lý do: một là phần định hướng, nếu chỉ nói chung chung như vậy thì không đưa lại thông tin gì mới hơn so với các nghị quyết đã có, hai là cái mắc mứu hiện nay không phải do ta đã có làm gì sai các định hướng đó, mà cái chính là chưa thực hiện đến nơi đến chốn, vì thiếu chính sách; ba là **chưa bao giờ trong lịch sử khó dự báo hướng đi chính xác của khoa học kỹ thuật như bây giờ** (ví dụ điển hình: IBM, công nghiệp điện tử của Nhật vừa qua đều đã có sai lầm lớn trong dự báo), do đó nếu nói chung chung thì không lợi ích thiết thực mà nói cụ thể thì e rằng chưa có cơ sở đầy đủ. Ví dụ tháng 10 năm ngoái khi tôi đến Học Viện Công Nghệ Atlanta thì ở đó họ đang bàn sôi nổi việc thiết kế lại các qui trình giảng dạy, cải tạo các phòng học, và toàn thể kết cấu hạ tầng của đại học để sử dụng tối đa các thành tựu mới nhất của kỹ thuật cao vào công tác đào tạo và nghiên cứu. Như vậy, trong mấy năm cuối thế kỷ này ắt có thay đổi lớn trong quan niệm, phương tiện dạy học, học, và nghiên cứu. Vì lý do đó tôi thiên nghĩ nghị quyết kỳ này chỉ nên đặt yêu cầu là xác định tầm quan trọng của giáo dục, khoa học, khẳng định quyết tâm của Đảng và Nhà nước, và đề ra một số biện pháp cấp bách trong 4 - 5 năm trước mắt để xúc kỳ được giáo dục và khoa học tiến lên. Còn chiến lược giáo dục, **khoa học nhằm đến các mục tiêu năm 2020 thì nên đợi đến khoảng năm 2000 sẽ phải tổng duyệt lại lực lượng và đối chiếu với tình hình mới của khoa học, kỹ thuật lúc đó mà xác định lại**. Như thế có cơ sở hơn. Kinh nghiệm vừa qua cho thấy: nếu ta hiện đại hóa buru điện, vô tuyến viễn thông sớm hơn mà chọn không đúng hướng (ví dụ dùng cáp đồng) thì vừa qua sẽ phải cải tạo khá vất vả và tốn kém hay ngành in cũng vậy, may nhờ ta chưa kịp nâng cấp nhà in theo kiểu cũ thì đã có kỹ thuật xử lý văn bản bằng điện tử nên đỡ biết bao tiền của và công sức. Một đặc điểm của thế giới ngày nay là khối lượng tri thức tăng cực kỳ nhanh, nhưng đồng thời phương tiện truy đạt và xử lý thông tin ngày càng lẻ và dễ dùng. Nếu ta biết lợi dụng đặc điểm đó một cách thông minh thì có thể đi ngay vào hiện đại trong giáo dục và khoa học mà không phải quá tốn kém như các nước đi trước (ví dụ với cuộc cách mạng đa phương tiện hiện nay thì không nhất thiết phải tốn tiền mua sách báo nhiều mà vẫn có thể đáp ứng được các yêu cầu thông tin để theo dõi các thành tựu khoa học mới nhất của thế giới).

Thay vào các định hướng chiến lược tôi nghĩ nghị quyết nên nêu rõ ba mục tiêu cụ thể:

- Đến năm 2000, phổ cập tiểu học trong cả nước, phổ cập trung học cơ sở ở các thành phố, đến năm 2010 phổ cập trung học cơ sở trong cả nước, trung học phổ thông ở các thành phố;

- Đến năm 2020 giáo dục đại học đuổi kịp các nước trong vùng về mọi chỉ tiêu; đến

năm 2010 có một Đại học Quốc gia và một học viện Công Nghệ vào loại tốt ở Đông Nam Á; đến năm 2020 có một Đại học Quốc gia vào loại hàng đầu ở Đông Nam Á;

- Đến năm 2010 có một Trung tâm nghiên cứu quốc Gia (Khoa học và công nghệ) vào loại tốt ở Đông Nam Á, trong đó có một số ngành ở trình độ tốt trên thế giới. Nhân đây phải nói rằng cần tăng cường Trung Tâm Nghiên Cứu Quốc gia, chứ không nên nhập nó vào Đại Học (kinh nghiệm như Pháp khi kỷ niệm 50 năm thành lập CNRS, họ cho rằng việc thành lập CNRS đã cứu nền khoa học Pháp). Nhưng phải có chế độ bảo đảm quan hệ khăng khít giữa Đại Học và Trung Tâm Nghiên Cứu Quốc Gia.

Đặt những mục tiêu như thế vừa có sức động viên, vừa dễ phấn đấu và kiểm điểm và trong thời đại này đạt trình độ quốc tế, hay vùng hẳn có ý nghĩa thiết thực đối với đất nước. Phải nói rằng những mục tiêu như vậy hoàn toàn không dễ, nhưng đó là những điều kiện để các mục tiêu của Đại hội VIII có thể thực hiện được.

3. Về tạo lập thị trường khoa học và công nghệ, *không nên có chủ trương cho phép và khuyến khích các viện, các trường thành lập các cơ sở sản xuất, kinh doanh*. Có thể ở Trung Quốc hay đâu đó, do điều kiện đặc thù của họ mà có nơi vừa sản xuất, kinh doanh tốt, vừa làm giáo dục và khoa học tốt. Nhưng ở Việt Nam theo kinh nghiệm vừa qua tôi nghĩ nên xem lại chủ trương này, vì làm sản xuất, kinh doanh với đào tạo và nghiên cứu là hai việc ít ai có thể làm tốt đồng thời, và đã làm cả hai thì thường là hy sinh việc đào tạo và nghiên cứu. Phải gắn đào tạo và nghiên cứu với sản xuất và đời sống, nhưng gắn theo cách đó không phải là tối ưu. Còn nếu vì thiếu tiền mà các trường hay viện phải làm sản xuất, kinh doanh để kiếm tiền thì lợi bất cập hại. Thay vào đó, điều cần làm là khuyến khích các trường, các viện, các nhà khoa học bảo trợ, làm cố vấn cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh, hoặc nhận đặt hàng nghiên cứu của các cơ sở sản xuất, kinh doanh.

Về giáo dục, tôi rất tán thành như trong dự thảo **không tổ chức lớp chọn ở các bậc học, và không tổ chức lớp chuyên ở tiểu học và trung học cơ sở**. Tuy nhiên cũng cần tiếp tục giải quyết các vấn đề như **bộ đề thi, trung học phân ban, đại học đại cương** mà nhiều người trong số đó có nhiều nhà giáo lão luyện và nhà khoa học có uy tín đang có ý kiến. Quan trọng nhất là cần thay đổi phương pháp giáo dục vì cách dạy nặng về nhồi nhét, học tủ, học vẹt, học quá sức như hiện nay thích hợp với mục tiêu đào tạo ra những người nói theo, làm theo, nghĩ theo, hơn là những nhân tài chân chính mà ta đang cần hơn mọi thứ của cải khác. Ta thường nói người Việt Nam thông minh, trí tuệ Việt Nam không kém ai. Thế nhưng đồng thời cũng phải nhận rằng ta có một số nhược điểm như: thiếu kiên trì, thiếu sâu sắc, đầu óc tưởng tượng, sáng tạo chưa phải xuất sắc so với một số dân tộc khác. Cho nên chúng ta cần phải tìm ra phương pháp giáo dục thích hợp để khắc phục các nhược điểm đó và nâng trí tuệ của ta lên nữa thì mới mong tiến nhanh được.

4. Mấu chốt để cứu **giáo dục và khoa học ra khỏi khủng hoảng** hiện nay, tạo được chuyển biến mạnh mẽ là phải có hàng loạt chính sách mà xem ra chính sách nào cũng đòi hỏi giải quyết vấn đề "đầu tiên". Vậy tiền đâu để thực hiện các chính sách đó? Tôi nghĩ khi bàn giải pháp nào thì phải xét đến điều kiện khả thi của nó, nếu không sẽ không thực hiện được. Vừa qua có những quyết định tưởng rất khó thực hiện mà lại thực hiện được, như việc cấm pháo, vì nó vốn là khả thi; trái lại có những chỉ thị tưởng đơn giản mà lại không thực hiện nổi vì nó vốn không khả thi, như việc cấm "phong bì" .

Nếu căn cứ vào hiện tình kinh tế thì rõ ràng không thể tăng đầu tư nhiều cho giáo dục và y tế, mà nếu tăng không đủ mức thì tình hình dù có được cải thiện đôi phần vẫn

chưa thể thay đổi cơ bản. Vì vậy, tôi nghĩ thực tế hơn nên thấy rằng trong một hai năm tới chi cải thiện được một số khâu cấp bách, còn thì muốn thực sự chuyển biến đáng kể phải đặt lại vấn đề từ gốc và giải quyết vấn đề trên quan điểm toàn cục của xã hội, từ đó mới có tiền đề đầu tư đáng kể cho giáo dục và khoa học.

Nhìn sâu vào thực trạng xã hội hiện nay, dễ thấy rằng tất cả các hiện tượng nghiêm trọng: giáo dục, khoa học, y tế, đạo đức xã hội xuống cấp, tham nhũng và lãng phí tràn lan đều có liên quan với nhau, và sở dĩ ngày càng khó khắc phục là vì đều phát sinh và phát triển dựa trên một nền tảng chung là chế độ phân phối bất công, vô lý, di sản của chế độ bao cấp biến tướng chưa thanh toán hết trong xã hội ta. Chính vì đồng lương không công bằng, phần lớn không ai đủ sống, cho nên mọi người phải xoay xở để thực hiện sự phân phối lại. Trong việc xoay xở đó nhiều người bắt buộc phải làm những việc ít nhiều trái với lương tâm, nhưng không làm thì không sống nổi. Và vì vậy, chỗ khác nhau cơ bản của các hiện tượng tiêu cực trong xã hội ta với tham nhũng ở Nhật, Ý, Hàn Quốc v.v... là xuất phát điểm và nền tảng nuôi dưỡng nó chủ yếu không phải là sự hư hỏng của một số quan chức cao cấp mà là ở chỗ chế độ trả công không đúng, buộc những người ở cấp thấp nhất trong bộ máy chính quyền cũng phải ít nhiều phạm pháp mới sống nổi. Và một khi tiêu cực xuất phát từ dưới, và bắt đầu từ nhu cầu chính đáng của cuộc sống, thì một người chỉ xoay xở không chính đáng có mấy trăm nghìn để đủ sống nhưng sẽ không còn có thể kiên quyết đấu tranh chống thù trường của mình tham nhũng đến bạc triệu. Đó là cái cơ chế sản sinh và phát triển tiêu cực từ dưới lên trong xã hội ta, khiến cho ai cũng ca thán, cũng bất bình, mà không mấy người thực sự nghiêm khắc với các hiện tượng đó. Rốt cục, một số lớn của cải của xã hội bị thất thoát, được sử dụng kém hiệu quả. Chỉ cần làm một cuộc điều tra thì sẽ thấy rằng tổng số tiền để duy trì mức sống thực tế của 6 triệu cán bộ, công nhân, viên chức lớn hơn rất nhiều lần quỹ lương chính thức của Nhà nước. Như vậy cũng có nghĩa là một số lớn tiền công quỹ đã chi ra nhưng không được phân phối công bằng để khuyến khích năng suất, nâng đỡ người nghèo, đãi ngộ tài năng.

Thành thử, trong phạm vi toàn xã hội, đâu phải vì ngân sách eo hẹp mà không thể trả lương trong một số ngành đúng với năng suất của họ, hoặc không thể đàn tư đủ mức cho giáo dục, khoa học, y tế, văn hóa. Chủ yếu chẳng qua là do của cải không được phân phối có hiệu quả.

Vì vậy tôi xin kiến nghị Nhà nước chấn chỉnh lại chế độ trả công cho người lao động, lập lại trật tự kỷ cương trong việc này, trên cơ sở đó mới có thể chống tham nhũng lãng phí có hiệu quả, đồng thời điều chỉnh sự phân bố các nguồn ngân sách để tăng đầu tư vào những khâu yếu nhất trong giáo dục, y tế, khoa học, văn hóa. Tôi cũng hiểu đây là việc khó, rất khó, nhưng đâu sao cũng không khó bằng chuyển từ bao cấp sang thị trường. Trước đây mười lăm năm, khi nêu ra việc bỏ tem phiếu, nhiều người vẫn cho là khó quá, không làm nổi. Đến khi bỏ được tem phiếu, ai cũng thấy nhẹ nhàng, và ngạc nhiên tại sao chúng ta có thời tự dầy đọa mình lâu như vậy. Trước đây 8 năm nhiều người vẫn nghĩ rằng còn phải chung sống dài dài với lạm phát phi mã, thế mà chỉ sau vài năm chúng ta đã chặn được lạm phát. Lần này tôi cũng nghĩ: việc khó thì khó thật nhưng chẳng lẽ một dân tộc tự hào với trí tuệ của mình mà cứ duy trì mãi một chế độ trả công kém thông minh vậy sao? Chẳng lẽ không huy động được trí tuệ các nhà kinh tế, tài chính, xã hội học, tin học, toán học, để nghiên cứu thực hiện cách kiểm soát tiền mặt, kiểm soát thu nhập, từ lâu đã áp dụng ở mọi nước văn minh, để từ đó từng bước lập lại trật tự kỷ cương trong cách trả công. Khi ý thức được rằng còn để cái ung nhọt này tiếp tục đục ruỗng nền kinh tế và hủy hoại đạo đức xã hội thì mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng văn minh còn

xa vời, chúng ta sẽ có đủ can đảm và quyết tâm thanh toán nó. Giáo dục và khoa học cũng chỉ có điều kiện phát triển tốt khi thanh toán được cái ung nhọt này.

5. Cuối cùng, vai trò của bộ tham mưu rất to lớn. Dù đội quân có tinh nhuệ bao nhiêu thì cũng vẫn cần có một bộ tham mưu tài giỏi mới bảo đảm đánh thắng được. Chúng tôi những người đã có mặt trong ngành giáo dục và khoa học từ ngày đầu kháng chiến chống Pháp, rất biết ơn các vị như Nguyễn Văn Huyền, Nguyễn Khánh Toàn, Tạ Quang Bửu vì nhờ bộ tham mưu sáng suốt đó mà dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong hoàn cảnh chiến tranh vô vàn khó khăn, giáo dục và khoa học không những đã duy trì được mà còn phát triển mạnh. Công bằng mà nói chính nhờ cái gia tài gây dựng được qua mấy chục năm cách mạng đó, cộng với truyền thống hiếu học hiếm có của tổ tiên để lại từ xưa, mà giáo dục và khoa học mới trụ nổi trong cơn sóng gió "Thị trường" vừa qua. Vậy xin được bày tỏ nguyện vọng ngành giáo dục và khoa học sẽ có được một bộ tham mưu vững vàng để tiếp tục trốn lên, vượt qua những khó khăn trước mắt còn đầy rẫy.

Trí thức Việt Nam: mấy nét về đặc điểm và nhiệm vụ trước sự phát triển đất nước

PHẠM TÁT DONG

Mấy trăm năm trước, nhà bác học Lê Quý Đôn đã có sự tổng kết sâu sắc và ngắn gọn về vai trò của các lực lượng xã hội: "Phi CÔNG bất phú, phi THƯƠNG bất hoạt, phi NÔNG bất ổn, phi TRÍ bất hưng. Sự hưng thịnh của quốc gia phụ thuộc rất lớn vào thái độ của tầng lớp trí thức đối với thể chế xã hội. Hiểu rất rõ về điều này, ông cha ta đã xây dựng nên một truyền thống tốt đẹp trong xã hội: "Trọng dụng hiền tài", "Chiêu hiền đãi sĩ" "Tôn sư trọng đạo", v.v...

Lịch sử phát triển đất nước luôn gắn liền với lịch sử phát triển, xây dựng đội ngũ trí thức ở Việt Nam. Năm Thần Vũ thứ hai (1070), vua Lý Thánh Tông cho xây Văn Miếu ở phía nam Hoàng Thành. Chỉ 5 năm sau, tức là năm 1075, Lý Nhân Tông cho tổ chức thi nho học khóa đầu tiên ở đây. Quốc Tử Giám được hình thành. Có thể coi đây như một kiểu trường đại học của nước ta - một kiểu trường đại học xuất hiện vào loại sớm trên thế giới. Trên một tấm bia cổ ở Văn Miếu có khắc những dòng chữ như sau: đức Hoàng đế hiện nay (Vua Lê Thánh Tông), người trị vì từ năm 1460 đến năm 1497) sau khi đạt được những kỳ công lớn mở đầu một kỷ nguyên mới trong công cuộc trị vì Vương Quốc đang ra sức làm việc để phát triển trong dân những đức độ của người dân và thay đổi những thể chế, và như vậy, tạo cho Vương Quốc có tiếng tăm lừng lẫy, làm cho nền văn hiến của đất nước sáng chói, không có gì có thể so sánh được. Hoàng đế quan tâm nhất đến những biện pháp chọn nhân tài. Tất cả những gì mà các vị tiền nhiệm đã thực hiện trên lĩnh vực này đều được bảo tồn và tuân thủ, những gì còn thiếu thì tìm cách bổ sung...", "các bậc hiền nhân tài giỏi là yếu tố cốt tử đối với một chính thể. Khi yếu tố này dồi dào thì đất nước tăng tiến

manh mẽ và phồn thịnh. Khi yếu tố này kém thì quyền lực đất nước bị suy giảm ... Những người tài giỏi là một sức mạnh đặc biệt quan trọng đối với đất nước"¹.

Trí thức là một bộ phận của nhân dân, gắn liền với cuộc sống của nhân dân, là một trong những động lực thúc đẩy sự đi lên của dân tộc. Trong mối quan hệ với những bộ phận khác của nhân dân, không lượng nào có thể thay thế trí thức, nhưng tách riêng trí thức ra khỏi nhân dân, trí thức sẽ mất đi sự thông tuệ vốn có ở họ.

Trí thức Việt Nam có lịch sử hình thành không giống với trí thức ở các nước phương Tây và phương Đông khác. Nếu như ở Châu Âu có một thời kỳ lịch sử khá dài mà các tầng lớp là đại diện của những người có học thức, và sau đó, những người giàu có "đặc quyền" về lao động trí óc; nếu như ở Trung Quốc lúc đó, đám quan lại có học thức là bộ phận cơ bản của tầng lớp trí thức, thì ở Việt Nam, suốt 10 thế kỷ (1075 - 1919), trong 2898 nhà khoa bảng được tuyển cử từ các kỳ thi để chọn người hiền tài do triều đình tổ chức, ta thấy đa số là những người xuất thân từ đám bình dân mà vươn lên thành những sĩ phu, đại diện cho trí tuệ của dân tộc.

Trí thức Việt Nam luôn nêu cao tinh thần dân tộc, gắn bó với sự nghiệp giữ gìn độc lập quốc gia, thống nhất đất nước. Trong lịch sử giữ nước, giới trí thức Việt Nam luôn trấn trở trước vận mệnh dân tộc. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Đảng Cộng sản Việt Nam đã tập hợp được đội ngũ trí thức, phát huy cao độ tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc của họ. Giới trí thức Việt Nam trở thành một lực lượng cách mạng, đóng góp rất nhiều công sức và trí tuệ cho sự thành công của các cuộc kháng chiến chống xâm lược kiến thiết hòa bình và hiện đang đẩy mạnh các hoạt động của mình trong công cuộc đổi mới đất nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá rất cao đặc điểm nói trên của trí thức Việt Nam. Người viết: "Chúng ta có quyền tự hào rằng, những người lao động trí óc ở Việt Nam đều đứng trong hàng ngũ kháng chiến. Khác hẳn với Pháp trong thời kỳ bị Đức xâm chiếm, trong số 32.026 Pháp gian bị xử án, một bộ phận lớn là trí thức (Hiện nay, trong tầng lớp trí thức Pháp, nhiều người đã giác ngộ, đứng vào hàng ngũ dân chủ và nhân dân. Họ tỏ thái độ rất trung thành, kiên quyết đấu tranh cho hòa bình và độc lập của nước Pháp"².

Chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với trí thức được Chủ tịch Hồ Chí Minh khái quát trong một câu có 4 mệnh đề sau đây: "Đào tạo trí thức mới; cải tạo trí thức cũ; công nông trí thức hóa; trí thức công nông hóa"³. Tất cả những trí thức tập hợp dưới lá cờ của Đảng trong hơn nửa thế kỷ qua luôn khăng khít với nhân dân lao động, trưởng thành lên theo hướng "Công nông hóa". Họ không có sự liên kết hai mặt với giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, mà là thành viên của liên minh chiến lược "Công nhân - Nông dân - Trí thức". Đội ngũ trí thức xã hội chủ nghĩa lớn lên nhanh chóng nhờ vào chính sách trí thức hóa công, nông. Việc bổ sung manh mẽ những trí thức xuất thân từ công, nông vào đội ngũ trí thức xã hội chủ nghĩa đã làm cho đội ngũ trí thức hiện nay gắn bó chặt chẽ hơn nữa với

¹. Leonard Arousseau. *Văn Miếu Hà Nội*, đăng trên Tạp chí *Revue Indochinoise* (7.12.1913). Trần Tiên dịch.

². *Hồ Chí Minh. Toàn tập*. Tập VI. NXB Sự thật, Hà Nội – 1986, tr. 66

³. *Hồ Chí Minh. Toàn tập*. Tập VI. NXB Sự thật. Hà Nội - 1986.

công, nông. Nhờ chính sách "Công nông trí thức hóa" mà tỉ lệ trí thức xuất thân từ công nông ngày càng cao. Do vậy, nếu nhìn vào đội ngũ trí thức xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam mà coi họ như những "tiểu tư sản", là lớp người dễ lao động, dễ ngã nghiêng thì sợ rằng, cách nhìn ấy mang màu sắc giáo điều, không thấy được đây là một lực lượng cách mạng do chính Đảng xây dựng nên.

Trong nhiều năm qua, cùng với quá trình trí thức hóa công nông và công nông hóa trí thức, ta còn thấy xu thế trí thức hóa đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý xã hội cũng như làm công tác đảng, đoàn thể... Số nghị sĩ Quốc hội của chúng ta cũng đang trên đường trí thức hóa. Đồng thời, đội ngũ sĩ quan thuộc các lực lượng quốc phòng và an ninh cũng đang được "đại học hóa". Bên cạnh đó còn có xu thế "chính quyền hóa" đối với hàng loạt trí thức. Nhiều nhà khoa học được đưa vào những cương vị lãnh đạo các cơ quan nhà nước. Những xu thế đó phản ánh rất rõ yêu cầu cao đối với trí tuệ con người trong các hoạt động do thời đại đặt ra.

Đất nước đã trải qua 10 năm đổi mới và từng bước thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Hơn bao giờ hết đội ngũ trí thức Việt Nam lại có những nhiệm vụ hết sức lớn lao đối với sự phát triển xã hội, tránh cho đất nước rơi vào tình trạng tụt hậu. Đó là:

1. Công cuộc đổi mới đã và đang tạo ra những tiền đề quan trọng để phát triển đất nước, nhưng đất nước vẫn còn nghèo, kinh tế chậm phát triển, công nghệ khá lạc hậu. Đời sống xã hội vẫn còn nhiều hiện tượng tiêu cực, tha hóa, biến chất. Về mặt lí luận và thực tiễn, vẫn còn nhiều vấn đề phải giải quyết để làm sáng tỏ con đường cách mạng ở Việt Nam trong giai đoạn từ nay đến hết thế kỷ và giai đoạn 2000 - 2020 - giai đoạn hoàn thành công nghiệp hóa.

Là bộ phận trí tuệ của Đảng và Nhà nước, đội ngũ trí thức phải tích cực tham gia các vấn đề nói trên. Những công việc đòi hỏi trí thức phải tham gia nhiều là tổng kết thực tiễn và phát triển lí luận, góp sức vào việc hoàn thiện đường lối, chủ trương của Đảng, xây dựng những cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc hoạch định những chính sách, luật pháp và các kế hoạch, các dự án phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường quốc phòng và an ninh.

2. Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (khóa VII) của Đảng đã nêu rõ: "Mặc dù còn nhiều yếu kém phải khắc phục, những thành tựu quan trọng đạt được đã và đang tạo ra những tiền đề đưa đất nước chuyển dần sang một thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy tới một bước công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước", coi đó là nhiệm vụ trung tâm trong thời gian tới. Vấn đề là phải phát triển đất nước dựa vào và bằng khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo. Khoa học và công nghệ có vai trò quyết định lợi thế cạnh tranh và tốc độ phát triển quốc gia. Khoa học và công nghệ sẽ tạo điều kiện để giáo dục và đào tạo nâng cao chất lượng nguồn lực, tạo ra năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ, xây dựng, tiềm lực khoa học và công nghệ để đủ sức tăng trưởng kinh tế nhanh và lâu bền... Nhiệm vụ chính trị cơ bản của đội ngũ trí thức trong giai đoạn tới là phát huy mạnh mẽ vai trò động lực của khoa học và công nghệ trong quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa, đi đầu trong việc nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới, đổi mới cơ chế quản lý sản xuất - kinh doanh, góp phần tổ chức và hướng dẫn phong trào quần chúng lao động tiến quân vào khoa học và công nghệ, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lí hóa sản xuất ... để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh tế.

3. Nhân tố hàng đầu quyết định sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa là phát triển mạnh giáo dục, đào tạo. Chiều sâu của cuộc chạy đua kinh tế giữa các quốc gia thể hiện ở cuộc chạy đua về giáo dục và đào tạo. Nguồn nhân lực cần được hình thành qua giáo dục và đào tạo được thể hiện chủ yếu ở 3 tuyến sau:

- Xây dựng đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề, trước hết là những công nhân phục vụ cho những ngành công nghiệp mũi nhọn.

- Phát triển đội ngũ trí thức xã hội chủ nghĩa, bao gồm các nhà khoa học, công nghệ, quản lý xã hội, quản lý kinh tế, văn nghệ sĩ, kinh doanh, thầy thuốc và thầy giáo...

- Hình thành đội ngũ công chức và nhân viên hành chính có trình độ chuyên môn sâu, phục vụ trong hệ thống hành chính quốc gia.

Trên cơ sở các nguồn lực này mà xây dựng đội ngũ nhân tài.

Tóm lại, nhiệm vụ của trí thức không thể tách khỏi công tác đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ, góp phần đổi mới sự nghiệp giáo dục nhằm mục tiêu "nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực bồi dưỡng nhân tài".

4. Là một trong những người đại diện cho trí tuệ dân tộc, trí thức phải góp phần trực tiếp vào công việc duy trì, phát triển, truyền bá những truyền thống văn hóa tốt đẹp các dân tộc, tạo những điều kiện để người dân có cơ hội tiếp xúc với những nền văn hóa của thế giới, "tích cực tham gia vào công tác xây dựng nếp sống mới, gia đình văn hóa mới, chống những tàn dư văn hóa phong kiến, thực dân, tư sản, ngăn chặn âm mưu và hoạt động của thế lực thù địch với cách mạng muốn biến văn hóa, văn nghệ làm phương tiện gieo rắc tâm lý bi quan và lối sống sa đọa, bài trừ hủ tục, mê tín, dị đoan"¹.

Trí thức không đứng ngoài sự nghiệp bảo tồn các di tích lịch sử và các giá trị văn hóa để giáo dục nhân dân về lòng yêu nước và tự hào dân tộc, về truyền thống lịch sử và văn hóa, tạo điều kiện cho nhiều thế hệ có thể thưởng thức văn hóa cổ truyền, tiếp tục sáng tạo ra những giá trị văn hóa mới, thể hiện được tầm cao của thời đại và chiều sâu của truyền thống, vừa dân tộc, vừa hiện đại, đấu tranh chống xu hướng nệ cổ, bảo thủ và cả xu hướng mất gốc, hư vô chủ nghĩa"².

Văn hóa là yếu tố nội sinh của quá trình phát triển, là mục tiêu, động lực và hệ điều tiết của phát triển. Trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, văn hóa sẽ tạo ra tính năng động nội tại để rút ngắn và xóa bỏ khoảng cách phát triển giữa chúng ta với nhiều quốc gia khác. Gần đây, khi nghị quyết về công nghiệp hóa và hiện đại hóa, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhấn mạnh: "Phát triển kinh tế - xã hội phải đặt trên nền tảng văn hóa mang bản sắc dân tộc, đồng thời tiếp thu các giá trị tinh hoa của loài người. Văn hóa phải kết tinh thành trí tuệ của dân tộc, được kế thừa, phát triển qua nhiều thế hệ, tạo ra sức mạnh vật chất, tinh thần to lớn của toàn dân tộc để xây dựng và bảo vệ TỔ QUỐC"³.

¹. Văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam về văn hóa, văn nghệ từ Đại hội VI đến đại hội VII, XNB Sự thật – 1993, tr.19

². Tài liệu dẫn ở mục 5.

³. Đỗ Mười. *Đẩy tới một bước sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh*. Bài phát biểu tại Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa VII, ngày 25.7.1994.

Chính sách xã hội đối với trí thức - vấn đề kinh phí khoa học nhìn nhận từ nhãn quan “cơ chế thị trường”

ĐẶNG THANH LÊ

Đội ngũ trí thức và hoạt động văn hóa khoa học đó là một lĩnh vực bao gồm nhiều vấn đề đa dạng và phức tạp: vấn đề đào tạo và sử dụng, vấn đề tiền lương, vấn đề kinh phí đầu tư... Bài viết của chúng tôi xuất phát từ đặc điểm nghề nghiệp của tầng lớp trí thức trong bối cảnh đổi mới để từ đó đề xuất một số ý kiến xung quanh vấn đề chính sách xã hội đối với trí thức.

I. Về một cơ sở cho sự hoạch định chính sách xã hội đối với đội ngũ trí thức hoạt động trong lĩnh vực khoa học, nhà khoa học trong cơ chế thị trường.

1. Theo ý kiến của chúng tôi, mặc dầu từ ngữ "trí thức" là một khái niệm có tính chất thông dụng cổ điển nhưng cũng vẫn cần thiết đi sâu thêm vào những nhận thức, những quan niệm cụ thể, đầy đủ hơn về khái niệm này để tạo ra những cơ sở lý thuyết và thực tiễn cho việc hoạch định chính sách xã hội đối với trí thức và đối với hoạt động khoa học. Sau đây là một vài kiến giải sơ bộ về tiêu chí xác định khái niệm trí thức với tư cách là một tầng lớp và cả với tư cách là một cá thể.

- Về phương diện đào tạo: trí thức là những người “có bằng cao đẳng, đại học và trên đại học” như ý kiến G.S Lê Thi đã giới thuyết khi đề cập đến vấn đề nữ trí thức¹.

Tuy nhiên, theo một giới thuyết có tính chất trừu tượng - đó còn phải là những người có *một hoạt động nghề nghiệp* mà sự đầu tư lao động *chủ yếu* là *lao động trí tuệ, lao động chất xám* thuộc các lĩnh vực Văn hóa, Khoa học, Giáo dục. Còn một phân số trí thức lại đi vào lĩnh vực hoạt động sản xuất và kinh doanh. Những người này triển khai hoạt động của họ trên cơ sở vốn kinh phí của Nhà nước hoặc của cá nhân. Một sự phân biệt như vậy, theo ý kiến của chúng tôi, sẽ đưa đến một chính sách đầu tư phù hợp với văn hóa, khoa học, Giáo dục, Y tế.

2. Hoạt động khoa học, lao động trí tuệ trong "cơ chế thị trường".

"Cơ chế thị trường" là một khái niệm của Kinh tế học (Cơ chế kinh tế thị trường). Ở đất nước chúng ta trước thời kỳ đổi mới, khái niệm cơ chế thị trường không được đưa vào lĩnh vực hoạt động thuộc "văn hóa khoa học". Trong khi đó vấn đề này đã được đặt ra từ lâu ở các nước Tây Âu. Lấy lĩnh vực văn học làm ví dụ: Năm 1967, một hội thảo quốc tế về xã hội văn học đã đặt vấn đề văn học và thị trường văn học". Người ta còn trích dẫn ý kiến đề cập đến mối quan hệ giữa thi sĩ và thị trường như sau: "Chính nhân tố sau cùng, *thị trường*, chứ không phải là sự bảo trợ của một ông hoàng, là (đối tượng cần chinh phục"². Như vậy, từ lĩnh vực kinh tế học, khái niệm thị trường đã đi vào vương quốc của trí tuệ, một lĩnh vực dường như là "phi lợi nhuận", có lúc vẫn được mệnh danh là "Tháp ngà" Các

¹. Lê Thi. Phát huy vai trò của các nhà khoa học nữ trong công cuộc đổi mới của đất nước hiện nay. Tạp chí Khoa học về Phụ nữ, số 4. 1993.

². Edoardo Sanguineti. *Xã hội học xung kích*. Bài in trong *Văn học và Xã hội* (Littérature et Société), Bruxelles, 1967.

khái niệm "thị trường văn học", "thị trường khoa học", và có thể cả "thị trường giáo dục" xuất hiện trong thực tiễn xã hội đương đại. Hiện tượng này đánh dấu một giai đoạn phát triển mới của một lịch sử tiến hóa toàn nhân loại : văn hóa, khoa học, giáo dục ... tách dần khỏi tính chất tư liệu thuần túy để gắn bó trực tiếp với sản xuất kinh tế, và với những nhu cầu thực tiễn của xã hội và cả những nhu cầu "mưu sinh" của từng con người. Đây cũng là một trong những vấn đề cập nhật trên trường quốc tế. Jacques Delors , Chủ tịch “Ủy ban quốc tế độc lập về giáo dục cho thế kỷ XXI” của UNESCO, qua bài viết về *Giáo dục cho ngày mai* đã nói đến 4 vấn đề trọng yếu của giáo dục và trong vấn đề thứ 1, đã nêu lên 3 chức năng chủ yếu của giáo dục mà chức năng hàng đầu là kinh tế (tiếp đó là chức năng khoa học và chức năng văn hóa).¹

Quá trình xã hội hóa văn hóa, khoa học, giáo dục... đã xảy ra từ lâu nhưng chúng ta vẫn khó có thể hình dung sáng tác phẩm văn học nghệ thuật, công trình nghiên cứu khoa học, giáo trình đại học và giáo khoa trung học trong vị trí là "một hàng hóa". Như vậy, với thời kỳ hiện đại với cơ chế đổi mới, mọi vấn đề của "hình nhị thương" dường như đã được nhìn nhận lại. Nhưng cơ chế thị trường là một vấn đề mới mẻ đối với đất nước chúng ta (kể cả trên lĩnh vực kinh tế) - Hơn thế nữa, đó còn là "quá mới" đối với lĩnh vực văn hóa, giáo dục, khoa học. Có thể nói, chúng ta chưa nhận thức được đầy đủ "diện mạo" của cơ chế thị trường để có thể xử lý tinh táo, sáng suốt trước tình thế mới này của đời sống xã hội. Đã xuất hiện hiện tượng "thương mại hóa" tri thức, văn hóa, giáo dục, y tế và từ đó, đã làm phương hại đến bản chất, đến mục đích phục vụ đời sống con người và phục vụ sự phát triển xã hội của tri thức và khoa học. Bởi vì ngay cả trong lĩnh vực kinh tế thuần túy, các nhà khoa học cũng nêu lên mối quan hệ chặt chẽ giữa "kinh tế và phúc lợi xã hội"² đã phê phán hiện tượng "động lực vật chất có thể dẫn đến bất chấp đạo đức và pháp luật, cạnh tranh dẫn đến phá sản..."³.

Tuy nhiên, "cơ chế thị trường" có những hiệu quả tích cực đối với sự phát triển văn hóa khoa học giáo dục. Nhân quan "cơ chế thị trường" có khả năng đưa đến những nhìn nhận, những kiến giải mới mẻ khi hoạch định chính sách xã hội đối với tri thức. Chính sách xã hội đối với tri thức là một hệ thống các vấn đề hết sức phong phú, đa dạng. Do những điều kiện khách quan và chủ quan, chúng tôi chưa thể đề cập đến vấn đề này một cách hệ thống, toàn diện mà chỉ giới hạn trong phạm vi một số ý kiến về vấn đề *kinh phí khoa học*.

II. Kinh phí khoa học.

1. *Quan niệm vấn đề*: theo ý chúng tôi có thể đưa ra quan niệm *kinh phí khoa học* nằm trong khuôn khổ của yếu tố vẫn được gọi là *vốn* của nhà khoa học.

Sẽ là không chính xác nếu quan niệm "vốn" của nhà khoa học chỉ là kinh phí. Để có thể tạo ra những sản phẩm văn hóa, khoa học, giáo dục - trước hết nhà khoa học phải có một tiềm lực khoa học, một năng lực đề xuất và thực thi chương trình, dự án, đề tài, công trình... thuộc lĩnh vực chuyên ngành khoa học của mỗi người. "Vốn liếng trí tuệ" "tài sản chất xám" này chính là "vốn tư bản đặc thù" của người trí thức và từ xuất phát điểm đó, nhà khoa học mới có thể tạo ra sản phẩm khoa học đáp ứng yêu cầu của xã hội, của cộng đồng, đáp ứng "nhu cầu thị trường". (Vấn đề này thực chất sẽ là vấn đề đào tạo và tái đào tạo, một vấn đề cũng rất cơ bản của chính sách xã hội với tri thức).

Tuy nhiên, trí tuệ, chất xám... tuy là điều kiện cần nhưng chưa phải là đủ để nhà khoa

¹. *Người đưa tin UNESCO*, số tháng 4 - 1996.

^{2,3}. Lê Đăng Doanh. *Kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước và phúc lợi xã hội*. Tạp chí *Xã hội học*, số 1 1992.

học có thể tạo ra sản phẩm. Kinh phí tài chính - đó cũng là một yếu tố không thể thiếu được trong "vốn liếng" của nhà khoa học.

Với hoàn cảnh kinh tế của một nước đang phát triển, tiền lương không thể đủ để nhà khoa học thực hiện đề án, đề tài nghiên cứu của bản thân - cho dù đó là một đề tài ở cấp vĩ mô (ví dụ như xuất bản một công trình khoa học khoảng vài ba trăm trang trở lại). Còn nếu bàn tới những dự án ở cấp vĩ mô, những đề tài nghiên cứu lớn thì lại càng cần một nguồn kinh phí đầu tư lớn hơn. Có những công trình có ý nghĩa giá trị lớn nhưng tổ chức và cá nhân nhà khoa học không thể có kinh phí thực thi mà ở đây lại không thể huy động vốn của "cổ đông" như trên lĩnh vực kinh tế. Nhưng phát triển văn hóa, khoa học, giáo dục (bên cạnh các lĩnh vực khác) lại là yêu cầu chiến lược của xây dựng đất nước và là trách vụ của chính quyền các cấp, các ngành.

Như vậy, vấn đề đầu tư kinh phí cho phát triển khoa học phải được giải quyết trên cơ sở một quan niệm về *đầu tư phi lợi nhuận kinh tế, phi lợi nhuận trực tiếp, vì lợi ích chiến lược của dân tộc*.

2. Một vài thực tiễn ghi nhận được và kiến nghị vốn kinh phí khoa học có khác biệt với vốn đầu tư cho kinh doanh sản xuất. Vốn đầu tư kinh tế - trực tiếp tạo ra sản phẩm vật chất có giá trị hàng hóa để từ đó thu nhập được lãi bằng tiền qua kinh doanh sản xuất. Còn ở lĩnh vực hoạt động khoa học của các ngành văn hóa khoa học, lao động chất xám tạo ra sản phẩm của trí tuệ để từ đó tác động đến sản xuất kinh tế. Như vậy công trình khoa học, công tác giáo dục đào tạo, sáng tác phẩm văn học nghệ thuật, sáng chế phát minh - là những sản phẩm của chất xám đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển xã hội - đã hiện diện như một thứ hàng hóa - nhưng là một thứ hàng hóa đặc biệt, một sản phẩm đặc biệt. Có thể quan niệm đó là hàng hóa siêu lợi nhuận, siêu sản xuất.

Và ở đây, cần có sự phân biệt trong quan niệm và từ đó, trong xây dựng chính sách đầu tư giữa các lĩnh vực.

a) Việc quản lý kinh phí đầu tư cho khoa học được giao cho các Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Văn hóa, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia. Trong vốn kinh phí này, ngoài nguồn kinh phí nằm trong kế hoạch của nhà nước, các tổ chức, các cơ quan văn hóa, khoa học, giáo dục còn có con đường tìm kiếm *vốn kinh phí từ nước ngoài*. Khác với các công ty tư nhân có "vốn cơ bản", các cơ quan khoa học, các nhà trí thức thuộc bộ máy nhà nước - không thể có vốn nếu không có sự đầu tư của Nhà nước, nhưng do điều kiện kinh tế của đất nước, vốn đầu tư đó rất có hạn. Trong khi đó, kinh phí đầu tư cho một dự án khoa học có tầm vĩ mô đòi hỏi một số lượng kinh phí cũng rất lớn. Ví dụ như một dự án trang thiết bị máy tính phục vụ công tác nghiên cứu khoa học cho Trung Tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia. *Việc đưa tin học - đưa máy vi tính vào trở thành một phương tiện kỹ thuật phục vụ nghiên cứu khoa học xã hội - là một dự án có tầm chiến lược* bởi với phương tiện này, ngoài việc sử dụng vi tính như một thứ máy chữ nhẹ nhàng - thì chủ yếu nó giúp nhà khoa học "tích lũy" hàng vạn trang tư liệu hoặc bản thảo trên một đĩa nhỏ, giúp nhà khoa học xây lập kế hoạch chương trình... Những công việc này trước đây các chuyên gia khoa học ở nước ta không có con đường nào khác là chép tay - ở đây, chúng ta đã phải lãng phí thì giờ của lao động trí tuệ vào một lao động đơn giản, máy móc. Trên thực tế, nhiều chuyên gia khoa học đầu ngành thuộc lĩnh vực khoa học xã hội của chúng ta đã trưởng thành từ những quy trình khoa học gian khổ nhưng vô cùng lãng phí chất xám và lãng phí thời gian. Trí thức Việt Nam - đặc biệt là trí thức khoa học xã hội - với mức lương hiện nay - không thể nào đầu tư để mua một máy vi tính.

Theo chúng tôi được biết, chính sách của nhà nước cho phép được hoàn toàn sử dụng

"vốn tự có" trong lĩnh vực hoạt động khoa học theo kế hoạch đề xuất xây dựng và thực thi chương trình, dự án, đề tài (do một tổ chức khoa học hoặc một nhà khoa học chủ trì) đã được các cấp hữu quan thông qua. Tất nhiên, ở đây nhất thiết phải có sự quản lý, kiểm tra chặt chẽ bởi đã có hiện tượng đầu tư kinh phí không đúng địa chỉ cũng như hiện tượng "chiếm dụng vốn" trong lĩnh vực hoạt động khoa học. Vì những lý do này nọ, đã xuất hiện những trường hợp "chạy" được vốn tài chính (kinh phí đầu tư cho khoa học.) Và tầng lớp "*cai đầu dài*" trong khoa học là một hiện tượng đáng buồn trong đời sống khoa học hiện nay. Tuy nhiên, như chúng tôi đã trình bày, cơ quan quản lý chỉ đạo, kiểm tra việc sử dụng vốn kinh phí đầu tư của hoạt động khoa học nên giao cho các Bộ chủ quản.

b) Vấn đề đầu tư kinh phí của Nhà nước.

Các trường đại học có chức năng nghiên cứu khoa học - không những thế đây là một trong hai chức năng hàng đầu (đào tạo và nghiên cứu) - Nghiên cứu khoa học là lẽ sinh tồn của trường đại học. Nhưng từ trước đến nay, kinh phí dành cho đại học chủ yếu là kinh phí đào tạo. Một trường đại học có khoảng 15 khoa với gần 1.000 cán bộ nhưng kinh phí khoa học chỉ bằng con số lẻ của kinh phí một viện nghiên cứu có khoảng 70 người. Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng chỉ được cấp kinh phí khoa học ở mức độ hạn chế nên không thể động viên được hết tiềm năng nghiên cứu hết sức lớn lao của các tổ chức khoa học và các nhà khoa học thuộc Bộ quản lý. Kết quả là các Giáo sư, Tiến sĩ ở các trường đại học *chủ yếu* trở thành "lính đánh thuê" cho các cơ quan khác trong đó có cơ quan khoa học và cả cơ quan không quản lý khoa học. Tất nhiên cũng có thể coi đây là hợp tác nghiên cứu tất yếu, cần thiết giữa các tổ chức khoa học và cá nhân nhà khoa học, nhưng chính các trường đại học với đội ngũ các nhà khoa học hùng hậu thì lại ít có điều kiện đăng ký chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu. Thời gian vừa qua trường Đại học Sư phạm thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội đã tổ chức cuộc họp về vấn đề nghiên cứu khoa học với sự tham dự của đại diện Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường và Bộ chủ quản. Sau khi nghe ý kiến của Lãnh đạo nhà trường và các nhà khoa học, Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường đã điều chỉnh, bổ sung kinh phí cho trường Đại học Sư phạm. Đó là một việc làm có ý nghĩa về nhiều phương diện nhưng trước hết, đó là một sự đầu tư kinh phí đúng địa chỉ.

Như đã trình bày, trên đây chỉ là một số ý kiến đề xuất, chưa hệ thống và đầy đủ. Bởi "Cơ chế thị trường" là gương mặt quá mới mẻ và lại đang phát triển trên một phạm vi, với một tốc độ mà cơ quan lãnh đạo và cá nhân nhà khoa học... dường như chưa nắm bắt được hết mọi đường nét, mọi tác động tích cực và cả tiêu cực của "cơ chế thị trường" đặc biệt trong các lĩnh vực như hoạt động giáo dục và nghệ thuật.

Đôi điều suy nghĩ về vấn đề khoa học và công nghệ

ĐÀM TRUNG ĐỒN

Trong các nghị quyết của Đảng trước đây cũng như trong dự thảo Nghị quyết Trung ương 12 sắp tới, vấn đề khoa học và công nghệ đã nhiều lần được đề cập, vì đây là vấn đề then chốt để đưa nước ta thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu. Khoa học và công nghệ gắn bó mật

thiết với nhau, không thể tách rời nhau, nhưng trong thực tế, từ cách nhìn nhận đến cách vận dụng chỉ đạo thực hiện trong thời gian trước đây, đôi khi chúng tôi có cảm giác chúng đã được xem như hai phần công việc riêng biệt có liên quan với nhau. Nếu quả thực như vậy thì đó là điều khiến chúng tôi băn khoăn lo lắng vì cách đặt vấn đề hôm nay có thể để lại hậu quả không mong muốn trong ngày mai.

Trong lịch sử phát triển, khoa học nảy sinh như là sự đúc kết những hiểu biết mà con người tích lũy được trong quá trình quan sát và tìm cách chế ngự thiên nhiên. Ngày nay cũng vẫn như vậy, có khác chăng chỉ là ở chỗ khoa học ngày càng sâu sắc, phương pháp thực nghiệm ngày càng tinh vi, các quy luật mới phát hiện, các thuộc tính mới của vật chất nhanh chóng được đưa vào áp dụng trong sản xuất. Thời gian cần cho việc chuyển giao từ phát minh khoa học đến công nghệ rút ngắn đến mức nhiều thành tựu nghiên cứu trong phòng thí nghiệm năm trước đã trở thành công nghệ của năm sau. Thời gian chậm giữa khoa học và công nghệ (vài năm) quả là không đáng kể so với thời gian chậm giữa trình độ khoa học ở nước ta so với trình độ khoa học thế giới (khoảng vài chục năm) và như thế *đối với chúng ta công nghệ hiện đại cũng xa vời như khoa học hiện đại và nếu không có một nền khoa học vững thì không thể thực sự làm chủ được công nghệ mới.*

(Có lập luận phản bác rằng thực tế trong những năm gần đây chúng ta đã tiếp cận và làm chủ được một số công nghệ hiện đại - như trong ngành bưu chính viễn thông chẳng hạn. Nói như vậy có thể là ngộ nhận không? Bởi vì các tổng đài cũng như mọi sản phẩm hàng hóa đều phải dễ sử dụng và bảo dưỡng. Ở nước ta hầu như ai cũng sử dụng được xe gắn máy và không thiếu thợ sửa chữa xe nhưng chúng ta vẫn chỉ là một thị trường tiêu thụ xe gắn máy và không ai dám nói chúng ta đã làm chủ được công nghệ này).

Từ cách nhìn khác nhau về mối quan hệ giữa khoa học và công nghệ đã dẫn đến sự đánh giá không công bằng về vai trò của khoa học. Trong một số trường hợp cụ thể ta chuẩn bị các nội dung nghiên cứu của chương trình nghiên cứu khoa học trọng điểm của nhà nước, đề tài nào không có sản phẩm trong 2 năm thường bị coi và viễn vông, không thiết thực và bị loại bỏ. Với kinh phí khoảng năm bảy chục triệu đồng trong 2 năm phải có được sản phẩm công nghệ cao là điều chúng tôi thấy không hiểu được. Chính vì thế một số đề tài gọi là mang nội dung công nghệ cao thực chất gần như mua một thiết bị mới về dùng còn nội dung nghiên cứu thực sự thì không nhiều như người ta tưởng.

Thực chất của các vấn đề nghiên cứu chưa có sản phẩm sau hai năm phải chăng viễn vông, không gắn liền với nhiệm vụ của giai đoạn trước mắt? Có lẽ không phải như vậy? Từ trước tới nay, tại các viện nghiên cứu cũng như các trường đại học ở nước ta không mấy ai dám nói là mình đang nghiên cứu cơ bản, vì điều kiện thông tin, trang thiết bị cũng như quan hệ quốc tế không cho phép nghiên cứu cơ bản thực sự. Đại bộ phận các đề tài nghiên cứu ở các cơ sở này là thuộc lĩnh vực khoa học cơ sở và khoa học ứng dụng. Đây chính là nền tảng của kỹ thuật và công nghệ. Ngộ nhận những loại hình nghiên cứu ấy là nghiên cứu cơ bản rồi loại ra ngoài các chương trình trọng điểm, nếu nói một các hình ảnh là tự cắt chân tay của mình, còn nói một cách thực tế là chưa tạo điều kiện có một bộ phận đáng kể của đội ngũ cán bộ của các trường đại học và các viện lớn tham gia giải quyết các nhiệm vụ trọng điểm của nhà nước.

Một điểm hay được nhấn mạnh trong biện pháp để nhanh chóng đuổi kịp các nước tiên tiến về khoa học công nghệ là tìm đường tắt và tránh đường mòn. Đó là một phương châm rất hay. Nhưng khi nào thì đi đường tắt nhanh hơn đường mòn? Trong một cuộc chạy đua ngang sức ngang tài, thì ai chọn được đường ngắn sẽ tới đích trước. Nhưng trong khoa

học và công nghệ, chúng ta chỉ như người mới tập đi, còn các nước phát triển thì như một vận động viên có kinh nghiệm. Vậy bây giờ là lúc nên tìm đường tắt để hy vọng sớm trở thành một con rồng ở châu Á hay nên núp mình khép cánh một thời gian để tập đi cho vững trên con đường mà những người đi trước đã khai phá.

Cuộc cách mạng khoa học về điện tử tin học hiện nay đã diễn biến theo trình tự từ linh kiện bán dẫn rời rạc tiến lên vi mạch cỡ nhỏ, cỡ trung bình, cỡ lớn và tiếp theo là sự phát triển ồ ạt của máy vi tính. Chúng tôi đã thống kê các công trình đăng trong tạp chí quốc tế về chuyên ngành này (Proceeding IEEE - Electronic Devices) trong năm 1995 ta thấy trong số trên dưới 1000 tác giả thì có tới khoảng 60% thuộc nhóm Nhật Bản, Trung Quốc, Triều Tiên, và có lẽ chỉ có một tác giả là người gốc Việt Nam. Với thực tế ấy thì tìm đường tắt có ý nghĩa đến mức nào, và bỏ qua nghiên cứu linh kiện có thể đuổi kịp thế giới trong hầu vực điện tử tin học viễn thông hay không? Rõ ràng là khó khăn rất lớn vì người ta đã đi quá xa và chúng ta thì chưa bắt đầu. Nhưng cánh cửa vào kỹ thuật điện tử của năm 2020 thì đến nay còn chưa có và nhân loại còn đang tìm kiếm vì chưa có thành tựu khoa học dẫn đường. Vậy phải chăng con đường tắt chính là đầu tư vào khoa học (cơ bản cơ sở...) ngay từ bây giờ để chuẩn bị cho bước phát triển mai sau?

Kỹ thuật hiện đại đổi mới nhanh đến mức chóng mặt. Trong mấy năm tập trung vào lĩnh vực tin học chúng ta đã trang bị được cho một số cơ sở hàng loạt máy vi tính mới nhất lúc bấy giờ. Số phận các máy ấy bây giờ ra sao (có lẽ người ta không muốn nói đến) vì chúng đã trở nên lạc hậu và nhu cầu lại đòi hỏi các máy hiện đại hơn. Nhu cầu cán bộ trong nước về các ngành nghề khác nhau cũng biến đổi nhanh không kém. Không ít sinh viên mà ta đào tạo một cách ồ ạt theo một số ngành theo phong trào đang thất nghiệp không tìm được việc làm. Nếu xem xét một cách chi tiết thì với cung cách đào tạo hiện nay tình trạng ấy khó hề tránh khỏi:

Để đào tạo một sinh viên có thể làm việc được ít nhất cũng mất 5 - 6 năm.

Để chuẩn bị thầy cho cả quá trình đào tạo sinh viên này cũng mất 8 - 10 năm. Nhu cầu diễn biến với tốc độ nhanh, xã hội đáp ứng với tốc độ chậm tất nhiên không bao giờ kịp thời và phải dẫn đến khủng hoảng.

Nếu đào tạo nhanh cho kịp thời ta chỉ cấp được những văn bằng rơm. Cách thoát hợp lý nhất phải chăng là lấy cái nền ổn định là khoa học (cơ bản, cơ sở) để ứng phó với cái biến động là công nghệ và kỹ thuật. Trong thời kỳ chiến tranh, chúng ta đã làm theo cách đó và kết quả cũng không tồi. Đội ngũ cán bộ khoa học ấy khi tiến lên thì trở thành cán bộ khoa học chủ chốt, khi lui về thì cũng còn làm được người thầy giáo - theo nếp của ông cha ta ngày trước.

Như thế có lẽ nền tảng khoa học có tầm quan trọng lớn hơn nhiều so với nhiều người suy nghĩ. Khi đặt vấn đề Khoa học - Công nghệ có lẽ nên hiểu khoa học nếu không đứng trước thì cũng ngang hàng với công nghệ mới là hợp lý. Trong thực tế thì sao? Chúng tôi muốn nói ít nhiều về cách thực hiện chủ trương tập trung vào các ngành công nghệ trọng điểm.

Sau hơn 40 năm kể từ khi thủ đô giải phóng ta đã xây dựng được một đội ngũ cán bộ khoa học nhiều ngành nghề. Tuy đội ngũ này còn non yếu và phân tán, chưa đủ đáp ứng với nhiệm vụ công nghiệp hóa, nhưng cũng làm được đôi việc khi có yêu cầu cấp bách, và giữ được bộ mặt khoa học của đất nước trong điều kiện thông thường. Với điều kiện vật chất vô cùng thiếu thốn đội ngũ ấy đã rất cố gắng để tồn tại và đóng góp vào sự nghiệp khoa học và giáo dục. Khi xác định các phương hướng công nghệ trọng điểm rất nhiều cán bộ trong đội ngũ ấy (ít nhất cũng quá nửa) nằm ngoài các phương hướng

này. Không phải ai trong số ấy cũng có thể chuyển hướng chuyên môn vì hướng chuyên môn cũ của họ vẫn rất cần đối với xã hội và việc cứu lấy một ngành sắp mai một là một cái gì thiêng liêng đối với họ. Nhưng thực tế họ có làm được như vậy không? Với nguồn kinh phí vốn đã hạn hẹp nay lại tập trung cao độ vào một vài trọng điểm thì còn gì cho các ngành khác. Và thế là nhiều tập thể khoa học chân chính trên đã tan rã, và không ít nhóm khoa học theo thị hiếu hình thành. Bất giác tôi liên tưởng đến cảnh một gia đình đông con. Những đứa con này đã từng là niềm kiêu hãnh của gia đình. Gặp thời buổi khó khăn không biết có nên dồn sức cho một đứa ăn học và để những đứa khác chết đói hoặc lang thang không nơi nương tựa?

Nhưng dẫu sao sự việc đáng buồn ấy cũng đang diễn ra và những cán bộ khoa học bỏ ngành cũng chẳng thể trở lại được. Vậy phải bổ sung đội ngũ ấy như thế nào. Tôi muốn nói đến việc bồi dưỡng đội ngũ thay thế. Phải nói rằng lớp học sinh trẻ ngày nay không thiếu em giỏi, và ngành giáo dục cũng đã phát hiện được nhiều em học sinh phổ thông xuất sắc. Nhưng bồi dưỡng tiếp như thế nào để các em thực sự trở thành được những nhân tài của đất nước? Nhân tài không thể chỉ đi học mà thành. Giai đoạn học tập dù đạt được bằng cấp cao nhất cũng chỉ mới là giai đoạn chuẩn bị, còn bước quyết định là giai đoạn tiếp theo, giai đoạn hoạt động khoa học, thực tiễn. Nhưng hoạt động khoa học cần môi trường khoa học. Đó là những phòng thí nghiệm có trang thiết bị tối thiểu cho nghiên cứu khoa học và công nghệ, là không khí làm việc khoa học hăng say của các cán bộ khoa học, là sự trân trọng của xã hội. Nếu đội ngũ cán bộ khoa học hiện nay còn phân vân về chính sự tồn tại của mình thì làm sao có thể lôi cuốn được lớp trẻ, và sự chảy máu chất xám sẽ là tất yếu.

Khoa học và công nghệ trong sự nghiệp phát triển đất nước

MAI HÀ

Trong thời đại ngày nay, những thành tựu to lớn của khoa học và công nghệ đã và đang tác động sâu sắc đến sự phát triển của tất cả các quốc gia trên thế giới. Các nước với những nền văn hóa và truyền thống sản xuất đa dạng đang thực hiện chiến lược phát triển với những tốc độ khác nhau và đạt những thành quả ở những trình độ khác nhau. Trong bối cảnh đó khoa học và công nghệ ở *Việt Nam rất cần được phát triển nhanh*. Phát triển nhanh nhưng không cho phép chúng ta được sai lầm. Dứt khoát phải tính đến yếu tố *lâu dài và bền vững*. Mức độ *phát triển như hiện nay* là có tiến bộ lớn so với giai đoạn 1997 - 1990, nhưng rõ ràng còn mang tính *dò dẫm, thiếu một chiến lược có cơ sở khoa học*.

Đến năm 2006 Việt Nam sẽ mở cửa thương mại với các nước trong khu vực ASEAN. Nếu Việt Nam vẫn giữ *môi trường phát triển kinh tế như hiện nay*, thì thực ra chúng ta đang trói buộc chính các doanh nghiệp của chúng ta trước những doanh nghiệp nước ngoài ở trên đất Việt Nam. Những thua thiệt không đáng có này đã và đang tồn tại do chúng ta thiếu tri thức khoa học về chủ thuyết phát triển trong điều kiện nền kinh tế thị trường.

Những vấn đề trên không thể giải quyết được nếu thiếu tri thức và lực lượng khoa

học và công nghệ. Do đó, chúng ta phải nghiêm túc nhìn nhận lại vấn đề hiện trạng và sự phát triển khoa học và công nghệ của Việt Nam.

I. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG NỀN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Những đóng góp quan trọng

Trong những năm qua, đặc biệt là 10 năm đổi mới, nền khoa học và công nghệ nước ta đã có những đóng góp đáng ghi nhận đối với công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

1.1 Nâng cao trình độ dân trí

Các nhà khoa học và công nghệ là đã góp phần nâng cao *trình độ dân trí* thông qua việc đào tạo trực tiếp (đặc biệt là trình độ đại học và sau đại học), tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học và kỹ thuật bằng mọi phương tiện sách vở, báo chí, đài phát thanh và truyền hình. Nổi bật nhất trong 10 năm gần đây đó là các tầng lớp nhân dân đã được trang bị những hiểu biết ban đầu về kinh tế thị trường (yếu tố vốn, lao động, tín dụng, lưu thông hàng hóa tiếp cận thị trường, quảng cáo, khuyến mại, nền kinh tế mở trên phạm vi thế giới...) về công nghệ tiên trong việc chọn giống, lai tạo, kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi rong điều kiện của nền kinh tế hàng hóa; về dinh dưỡng và an toàn thực phẩm; về sức khỏe và phòng bệnh; về công nghệ thông tin và bưu chính viễn thông; về chế biến và sử dụng vật liệu; về hệ sinh thái cảnh quan và môi trường

1.2. Nâng cao hiệu quả sản xuất

Các ngành khoa học và kỹ thuật, với tiềm năng được tích lũy, đã tiến hành những nghiên cứu sinh lý - xã hội và quản lý hoạt động doanh nghiệp nhằm cải tiến phương thức tổ chức sản xuất và quản lý; tiếp thu và làm chủ công nghệ cao trong một số xí nghiệp thuộc các ngành như nông nghiệp, công nghiệp nhẹ và chế biến, y tế, bưu chính viễn thông dầu khí, hàng không dân dụng...; nghiên cứu và triển khai các giải pháp công nghệ cho các khu vực (Nhà nước, tư nhân, liên doanh) của toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Những đóng góp này tất yếu dẫn tới việc tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm và tăng khả năng cạnh tranh cho các doanh nghiệp, tạo tiền đề đổi mới công nghệ cho lực lượng sản xuất, có khả năng đảm bảo an toàn về dự trữ lương thực quốc gia, đảm bảo hàng hóa tiêu dùng và tăng kim ngạch xuất khẩu.

Tuy nhiên, ở đây *tính tự phát* còn rất cao và *thiếu một môi trường tích cực* cho một chiến lược phát triển kinh tế tổng thể, nên hiệu quả chung do ứng dụng những thành tựu khoa học và công nghệ còn rất hạn chế, chưa tạo được *bước nhảy vọt về chất* cho nền sản xuất và hoạt động kinh doanh.

1.3. Nâng cao hiệu quả quản lý kinh tế vĩ mô

Những công trình nghiên cứu về xã hội, về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên Việt Nam đã đóng góp đáng kể vào việc xây dựng các cơ sở dữ liệu điều tra cơ bản về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, môi trường và con người Việt Nam. Tuy còn thiếu vấn đề khoa học còn chưa sáng tỏ, nhưng những gì đã làm được trong thời gian vừa qua đã cung cấp những luận cứ khoa học cho việc qui hoạch tổng thể kinh tế xã hội vùng lãnh thổ, hình thành các khu dân cư - công nghiệp mới, sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản, góp phần bảo vệ sinh thái và môi trường.

1.4. Nâng cao hiệu quả quản lý xã hội

Các nhà khoa học và trí thức đã góp phần xây dựng các luận cứ khoa học cho các quyết định và đường lối chiến lược của Đảng, đóng góp vào sự thành công về mặt lý luận và thực tiễn của đường lối đổi mới.

Mặc dù hiệu quả của việc đóng góp các luận cứ chiến lược chưa cao và không phải lúc nào cũng được phát huy đúng lúc, song bằng kiến thức khoa học và với tinh thần yêu nước, các nhà khoa học và công nghệ đã đưa ra nhiều kiến nghị trong việc xây dựng các dự luật, chính sách xã hội, các biện pháp kinh tế, các giải pháp đặc biệt nhằm xác định ý thức hệ, giữ vững an ninh quốc phòng và chiến lược phát triển.

2. Những vấn đề bức xúc

2.1. Đội ngũ các nhà khoa học và công nghệ

Hiện nay nước ta có hơn 9.000 người có học vị trên đại học, khoảng 800.000 người có trình độ đại học và cao đẳng (trong đó có khoảng 65.000 người trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực nghiên cứu và triển khai công nghệ); hơn 2 triệu công nhân kỹ thuật. Đây là *tiềm năng quan trọng* cho quá trình phát triển khoa học, tiếp nhận, làm chủ và thích nghi các công nghệ nhập, là *lực lượng nòng cốt tiềm tàng* trong sự nghiệp công nghiệp hóa và phát triển đất nước.

Hàng trăm nghìn người Việt Nam sống ở nước ngoài có trình độ cao về chuyên môn và nghiệp vụ là một nguồn lực đáng kể có khả năng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển đất nước.

Lực lượng khoa học công nghệ Việt Nam hiện nay có tinh thần dân tộc rất cao, không ít về mặt số lượng và đã có được một số đóng góp đáng kể cho công cuộc bảo vệ và xây dựng Tổ quốc. Trình độ của đội ngũ cán bộ khoa học Việt Nam trong một số ít lĩnh vực không thua kém các nước trong khu vực.

Tuy nhiên, *tuyệt đại đa số cán bộ khoa học và công nghệ hiện đang làm việc trong môi trường không đủ điều kiện tái sản xuất lao động trí óc, thiếu thông tin và thiếu động lực cho sáng tạo*. Chính vì vậy, kiến thức có được đã bị teo đi, khả năng thích nghi với những thành tựu mới là rất hạn chế; trình độ của đội ngũ chưa được cập nhật tri thức hiện đại của thế giới; kiến thức về quản lý khoa học, tổ chức nghiên cứu, kỹ năng công nghệ, quản trị kinh doanh, tiếp thị và ngoại ngữ gần như bắt cập.

Hiện tượng "di cư" chuyển sang kinh doanh tự do hoặc làm thuê đơn giản (trợ lý, thư ký, phiên dịch ...) cho các công ty và liên doanh nước ngoài là rất rõ ràng; thế hệ trẻ không còn nguyện vọng làm việc trong các cơ quan nghiên cứu khoa học và công nghệ, hàng năm số lượng sinh viên thi vào các ngành khoa học cơ bản (toán học, vật lý lý thuyết, hóa học, triết học, sử học, lý luận văn học...) ngày càng ít.

Lực lượng khoa học và công nghệ Việt Nam ở nước ngoài hiện có triển khai một số hoạt động mang tính thăm dò, về cơ bản vẫn đang chờ đợi một môi trường phát triển tích cực hơn trước khi quyết định dốc tâm lực đóng góp xây dựng Tổ quốc.

2.2. Mạng lưới tổ chức các cơ quan khoa học và công nghệ

Với gần 300 cơ quan làm nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ trong cả nước, mạng lưới các cơ quan khoa học và công nghệ chủ yếu được thành lập trong cơ chế tập trung bao cấp, chưa được nghiên cứu tổ chức một cách khoa học nên lực lượng bị dàn trải, nhiều khi cùng một nhiệm vụ lại do nhiều cơ quan cùng thực hiện với lượng kinh phí

thiếu hụt nên không thể ra được sản phẩm khoa học - công nghệ. Đó là chưa kể chúng ta đã bỏ qua mối quan hệ hữu cơ giữa giảng dạy, nghiên cứu ở các viện quốc gia, nghiên cứu trong các doanh nghiệp.

Kinh phí ít lại dàn trải cho quá nhiều cơ quan khoa học, theo những nhiệm vụ nghiên cứu không thực tiễn, cơ chế phân bổ kinh phí và quản lý kém hiệu quả thì chắc chắn không thể có được kết quả mong đợi.

2.3. Cơ sở vật chất

Trừ một số ngoại lệ mới được trang bị trong khoảng hai năm gần đây, nhìn chung cơ sở vật chất dành cho nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ luôn ở dạng chắp vá, không đồng bộ, thiếu những qui định chặt chẽ về diện tích tối thiểu, về qui chế bảo dưỡng nên cơ sở thiết bị không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật cho nghiên cứu, thiết bị hư hại và lạc hậu rất nhanh chóng, đã vậy, đầu tư trang - thiết bị nghiên cứu dàn trải, thiếu tập trung nên việc phát huy hiệu quả đầu tư thấp.

2.4. Thông tin khoa học và công nghệ

Thông tin khoa học và công nghệ của Việt Nam dành cho các viện nghiên cứu đầu ngành, cho các nhà khoa học và công nghệ của toàn quốc luôn luôn bị *thiếu về số lượng, chậm trễ về mặt thời gian*. Theo nhận xét của các nhà khoa học nước ngoài đến Việt Nam thì thông tin khoa học và công nghệ của Việt Nam còn xa mới bằng những điều kiện về thông tin khoa học của sinh viên các nước trong vùng như Thái Lan, Malaixia, Hàn Quốc, Singapore ...

Đánh giá chung

Khoa học và công nghệ nước ta chưa có vị trí xứng đáng trong hệ thống kinh tế - xã hội. Nền kinh tế nước ta phát triển chưa dựa trên thành tựu của khoa học và công nghệ, và đó cũng chính là *tín hiệu của sự phát triển mới phôi phai, chưa thực sự vững chắc*, và còn rất xa mới có thể nói đến chuyện *phát triển bền vững*.

4. Nguyên nhân của những yếu kém

4.1. Nhận thức của lãnh đạo các cấp

Nhận thức về vai trò của khoa học và công nghệ trong phát triển kinh tế - xã hội của lãnh đạo tất cả các cấp, các ngành chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước ở giai đoạn mới, đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mà khoa học và công nghệ phải là động lực thực sự trong cạnh tranh lành mạnh. Do vậy trên thực tế luôn xảy ra hiện tượng các Nghị quyết của Bộ Chính trị, của Trung ương Đảng, của Thủ tướng Chính phủ thì rất đầy đủ và rất hay, song không được thực hiện một cách nghiêm túc.

4.2. Cơ chế kinh tế

Do phương thức quản lý kinh tế mang nặng tính chủ quan, hiện nay chưa hề có và thực sự không được quan tâm thích đáng tới *hệ thống các biện pháp đánh giá khách quan các hoạt động kinh tế và xã hội*. Các đánh giá phổ biến hiện nay vẫn chưa thực sự coi hiệu quả kinh tế - xã hội là thước đo tài năng và đạo đức của cán bộ quản lý, cán bộ lãnh đạo các cấp. Chính vì vậy, một điều hiển nhiên là các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp Nhà nước, không nhất thiết phải ứng dụng những thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất để nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh doanh và bảo vệ môi

trường. Đến nay, nhiều doanh nghiệp (kể cả tư nhân và Nhà nước) kinh doanh có lãi, thậm chí phát triển khá mạnh nhưng không phải bằng con đường đổi mới tổ chức và quản lý, đổi mới công nghệ sản xuất v.v..., mà chủ yếu bằng mọi cách "chạy chọt" để có được độc quyền trong kinh doanh, được nhận những hợp đồng thuận lợi, tìm đặc cách để giảm hoặc miễn thuế, chiếm dụng vốn v.v.... Nhiều cán bộ lãnh đạo các doanh nghiệp Nhà nước vì lợi ích cá nhân hoặc lợi ích của nhóm nhỏ đã nhập khẩu nhiều máy móc, thiết bị, công nghệ lạc hậu từ nước ngoài gây nên những hậu quả nghiêm trọng lâu dài cho sản xuất trong nước và để lại những món nợ cho thế hệ sau. Đây chính là hình ảnh của *một cơ chế kinh tế chưa làm mạnh* và chính cơ chế này là môi trường thuận lợi cho quốc nạn tham nhũng, làm rối loạn mặt bằng giá trị kinh tế *triệt tiêu động lực phát triển* nói chung, và *động lực lao động sáng tạo* nói riêng.

4.3. Đầu tư tài chính thấp

Đầu tư tài chính của Nhà nước cho hoạt động khoa học và công nghệ còn *quá thấp so với nhu cầu*, ngoài ra *việc sử dụng nguồn đầu tư ít ỏi này lại chưa thật sự có hiệu quả*. Nhà nước cũng chưa có cơ chế, chính sách phù hợp nhằm huy động được các nguồn vốn ngoài ngân sách cho phát triển khoa học và công nghệ.

Đầu tư tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ trong nhiều năm đạt dưới 1% chi ngân sách, tương đương khoảng trên 0,2% GDP, chưa đạt mức tối thiểu đủ tới hạn là 2% GDP. Chi phí bình quân hàng năm cho một cán bộ khoa học và công nghệ chỉ đạt dưới 1000 USD, còn rất thấp so với mức trung bình của thế giới (55.324 USD) và các nước trong vùng như Thái Lan (18.000 USD), Singapore (53.000 USD), Hàn Quốc (56.000 USD), Nhật Bản 134.000 USD). Do vậy, các nhà khoa học chỉ có thể *hoạt động cầm chừng để tồn tại* và không rời bỏ đội ngũ, mới giải quyết được một số ít các vấn đề trước mắt, *không thể tạo ra được những kết quả có ý nghĩa chiến lược*.

- Không những thế, ngân sách Nhà nước cho khoa học và công nghệ hiện nay được xét vào chương mục "Chi thường xuyên" mà không ở hạng mục "Đầu tư phát triển", do vậy thường xem xét sau cùng và chịu nhiều tác động cắt giảm.

4.4. Cơ chế quản lý khoa học và công nghệ

Cơ chế tổ chức, chính sách quản lý khoa học và công nghệ chưa nhạy bén, còn lúng túng trong cơ chế kinh tế thị trường. Do định hướng lâu dài chưa được xác định rõ nét chính sách còn bị động, chắp vá, thiếu đồng bộ.

Công tác quản lý khoa học và công nghệ chưa chủ động góp phần hiệu quả tạo lập thị trường khoa học và công nghệ, chưa xây dựng được những quy trình hợp lý cho hoạt động nghiên cứu - triển khai nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trước mắt về lâu dài. Tỷ lệ những sản phẩm nghiên cứu chưa xuất phát từ nhu cầu của thị trường còn cao.

Các Chương trình nghiên cứu trọng điểm lẽ ra phải xuất phát từ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là những nhu cầu mang tính chất chiến lược dài hạn. Tuy nhiên từ trước tới nay, chúng ta chưa bao giờ có một chiến lược phát triển theo đúng nghĩa khoa học của nó. Với những khó khăn khách quan và yếu tố chủ quan, chúng ta *chưa tập trung xây dựng chiến lược dài hạn có hiệu quả*, mà chỉ loay hoay giải quyết các khó khăn trước mắt. Chính vì vậy, việc xây dựng các chương trình nghiên cứu đa phần *không xuất phát từ nhu cầu chiến lược thực sự* mà mới chỉ từ những mong muốn duy ý chí. Hiện trạng những năm qua ở nước ta là: xuất phát từ những nhu cầu mang tính chủ quan, các chương

trình nghiên cứu được xây dựng từ những đề nghị cụ thể của các Bộ, các Viện, Trường... sau khi đã được thông qua một cấp lãnh đạo nào đó. Kinh phí cho các đề tài nghiên cứu thường được cấp không theo nguyên tắc đầu thầu khách quan. Quyền phân bổ kinh phí tập trung ở người thủ trưởng, ở một số chuyên viên thuộc các cơ quan quản lý khoa học được thực hiện thiếu cơ chế khách quan.

Chế độ lương hiện nay nói chung là **không phản ánh thực chất việc đánh giá hiệu quả công việc** của cán bộ công nhân viên chức, trong đó có đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ, mà chủ yếu là *hậu quả chuyển dịch phi lý* rơi rớt lại từ thời những năm 1960-70-80, không phản ánh nhất quán bất cứ một tiêu chuẩn nào. Đây là điểm yếu cơ bản nhất trong quản lý hành chính ở Việt Nam. *Chế độ lương thậm chí phi lý* này là nguyên nhân trực tiếp và sâu xa nhất dẫn đến quốc nạn tham nhũng, làm vô hiệu hóa mọi ý đồ tốt đẹp lành mạnh hóa xã hội (đã và đang bị xuống cấp nghiêm trọng trong mọi lĩnh vực: y tế, văn hóa, tư pháp, giáo dục, thuế, tài chính, hải quan, an ninh) ...

Việc *sử dụng cán bộ* theo biên chế "cứng" là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng kém hiệu quả của các cơ quan nghiên cứu : giảm chất lượng và không trẻ hóa được đội ngũ .

Những nguyên nhân trên đây cần được phân tích thật sâu sắc và đầy đủ để từ đó tìm được những giải pháp khắc phục. Chỉ có như vậy khoa học và công nghệ mới có thể thực sự là một bộ phận hữu cơ của hệ thống kinh tế - xã hội, đảm nhiệm vai trò nền tảng của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

II . CÁC GIẢI PHÁP

1. Tạo thị trường lành mạnh cho những sản phẩm khoa học và công nghệ, gắn kết hữu cơ khoa học và công nghệ với kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

1. Ban hành quy định mọi dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường trong mọi ngành, mọi cấp về xây dựng cơ bản, liên doanh, đầu tư phát triển đều phải huy động sự tham gia của các lực lượng khoa học vào các bước từ luận chứng tiền khả thi, lựa chọn các phương án kinh tế - kỹ thuật và công nghệ, thẩm định, đánh giá kết quả thực hiện dự án kinh tế - xã hội. Kinh phí cho các hoạt động khoa học công nghệ này được quy định lấy theo một tỉ lệ nhất định trong tổng số vốn đầu tư của dự án.

2. Mở rộng mạng lưới dịch vụ tư vấn khoa học và công nghệ, tạo và đáp ứng nhu cầu của các cơ quan khoa học và công nghệ, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Miễn hoặc giảm thuế doanh thu cho các hoạt động tư vấn khoa học và công nghệ. Không hạn chế thu nhập từ các hoạt động nghiên cứu khoa học và tư vấn công nghệ.

3. Nhà nước kiên quyết và tích cực tạo ra một môi trường chính sách sao cho trong đó đổi mới công nghệ, đổi mới quản lý (dựa trên khoa học và công nghệ) phải là con đường duy nhất để các doanh nghiệp Nhà nước có năng lực để tồn tại và phát triển.

2. Đa dạng hóa nguồn và tăng cường đầu tư phát triển khoa học và công nghệ.

1. Nhà nước coi đầu tư cho khoa học và công nghệ là đầu tư cho phát triển. Đảm bảo trên thực tế tỉ lệ ngân sách Nhà nước hàng năm cho khoa học và công nghệ không dưới 2,0% chi ngân sách liên tục từ nay đến năm 2000. Sau đó tiến tục tăng cho những năm sau 2000.

2. Trích một phần vốn đầu tư phát triển khoa học và công nghệ lấy từ các chương trình, đề án, công trình kinh tế - xã hội theo tỉ lệ phần trăm được quy định thống nhất đầu tư để tiến hành nghiên cứu, lập luận chứng, phân biện, đánh giá những vấn đề và khía cạnh khoa học và công nghệ có liên quan tới nội dung, chất lượng của công trình, qua đó đề xuất kiến nghị phát triển hoặc hoàn thiện công trình.

3. Khuyến khích, thậm chí bằng cơ chế chính sách buộc các ngành, các địa phương, các doanh nghiệp công nghiệp đầu tư cho khoa học và công nghệ. Khoản này được đưa vào giá thành sản phẩm và không phải chịu thuế, nếu không sử dụng cho nghiên cứu - triển khai, khoản này phải chịu thuế hoặc phải nộp ngân sách. Trong các doanh nghiệp Nhà nước, đảm bảo tốc độ đầu tư đổi mới công nghệ không thấp hơn tốc độ tăng đầu tư cơ bản.

4. Thực hiện chế độ khấu hao nhanh cho các trang thiết bị công nghệ then chốt với tỉ lệ 19% (hiện nay 10%), để lại toàn bộ khoản trích khấu hao này cho doanh nghiệp tái đầu tư đổi mới công nghệ.

3. Tạo động lực đích thực cho đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ.

1. Đáp ứng sớm nhất cơ sở kỹ thuật, thông tin, thiết bị đồng bộ cho một số phòng thí nghiệm, một số cơ sở nghiên cứu đạt mức tiên tiến trong khu vực để thu hút chuyên gia trong, ngoài nước tới làm việc. Đồng thời chú ý tăng dần mức trang thiết bị chung cho các cơ sở nghiên cứu.

2. Tạo bầu không khí dân chủ, thẳng thắn, tin cậy trong khoa học nói chung. Tạo môi trường tôn trọng chân lý khách quan, trao đổi học thuật một cách bình đẳng, khuyến khích tìm tòi chân lý, tôn trọng, bảo lưu những cách nhìn riêng, quan điểm riêng trong quá trình tiếp cận chân lý tương đối.

3. Hoàn thiện hệ thống luật pháp về khoa học và công nghệ, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của các tác giả là các nhà khoa học và công nghệ trong và ngoài nước. Bảo hộ quyền lợi của người tiêu dùng, người áp dụng công nghệ coi đó là biện pháp hỗ trợ bảo hộ quyền lợi cho các nhà khoa học và công nghệ chân chính.

4. Đáp ứng ở mức tốt nhất có thể nhu cầu được cung cấp thông tin, coi đây như một điều kiện làm việc không thể thiếu được đối với cán bộ khoa học và công nghệ.

5. Bảo đảm thực thi nguyên tắc lương và thu nhập của cán bộ khoa học và công nghệ phải gắn với hiệu quả lao động. Không khống chế thu nhập và miễn/ giảm thuế thu nhập cá nhân cho các nhà khoa học thực hiện các hợp đồng nghiên cứu.

6. Thực hiện các hình thức biểu dương, đề cao, tôn vinh địa vị xã hội của các nhà khoa học và chuyên gia công nghệ hăng đầu, nhằm kích lệ thế hệ trẻ trong thời đại mới say mê nghiên cứu khoa học.

4. Các biện pháp cải tiến và đổi mới quản lý khoa học và công nghệ trong cơ chế thị trường.

1. Thực hiện một cách có hiệu lực sự quản lý đúng đắn, thống nhất của Nhà nước ở tầm vĩ mô đối với các hoạt động khoa học và công nghệ và môi trường bằng pháp luật, chiến lược chính sách, quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ, bằng nguồn kinh phí Nhà nước đầu tư tiến hành các hoạt động khoa học và công nghệ trọng điểm, và bằng các quỹ quốc gia hỗ trợ cho các hoạt động khoa học và công nghệ (Quỹ hỗ trợ rủi ro...)

2. Tổ chức lại mạng lưới các cơ quan khoa học và công nghệ do Nhà nước trực tiếp đầu tư quản lý. Tập trung vào một số viện nghiên cứu trọng điểm thuộc các hướng nghiên cứu cơ bản, triển khai công nghệ mũi nhọn, các phòng thí nghiệm quốc gia, một số xí nghiệp công nghệ cao, tiên tiến, mẫu mực, có ý nghĩa quốc gia.

3. Về cơ chế hình thành các chương trình, Nhà nước tập trung nghiên cứu đặt hàng đối với các cơ quan khoa học, tiến hành tổ chức, quản lý và giám sát nghiêm túc cơ chế giao nhiệm vụ, giao đề tài thông qua hình thức đấu thầu bình đẳng và thẩm định, đánh giá chất lượng sản phẩm nghiên cứu một cách khách quan.

4. Kiện toàn và nâng cao hiệu quả của mạng lưới thông tin khoa học và công nghệ quốc gia trên cơ sở áp dụng những thành tựu công nghệ thông tin hiện đại. Đẩy mạnh các dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ đáp ứng nhu cầu về lãnh đạo - quản lý, nghiên cứu khoa học và đổi mới công nghệ ở các doanh nghiệp, đặc biệt là thông tin công nghệ. Khuyến khích và tạo điều kiện để các doanh nghiệp tăng cường cơ sở thông tin khoa học và công nghệ của mình.

5. Các biện pháp tăng cường hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ.

1. Tranh thủ tối đa sự hợp tác, giúp đỡ của các nước, các tổ chức quốc tế, theo nhiều kênh, nhiều mức độ, tạo điều kiện cho các nhà khoa học giao lưu quốc tế. Nhà nước chủ động tuyển chọn một lượng đủ lớn số sinh viên gửi đi đào tạo hàng năm ở các nước có nền khoa học và công nghệ phát triển.

2. Khuyến khích hợp tác quốc tế với các viện, các hãng và các trường đại học nhằm nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ nghiên cứu. Chú trọng đào tạo mới và đào tạo lại đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ tương thích dần với trình độ thế giới và khu vực, đáp ứng những đòi hỏi của môi trường cạnh tranh và yêu cầu phát triển bền vững của đất nước.

6. Khuyến khích và phát huy sự đóng góp của cộng đồng khoa học và công nghệ Việt Nam ở nước ngoài.

1. Tạo điều kiện đi về thuận lợi để mở rộng, tăng cường sự đóng góp của đội ngũ khoa học và công nghệ trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, đặc biệt là trong lĩnh vực chuyển giao công nghệ về trong nước những tri thức khoa học và công nghệ tiên tiến.

2. Ưu đãi đối với cán bộ khoa học và công nghệ Việt Nam ở nước ngoài về làm việc trong nước ngắn hạn, dài hạn, đặc biệt đối với những Việt kiều đang thực hiện nhiệm vụ chuyển giao công nghệ.

7. Tăng cường sự chỉ đạo của Đảng và Nhà nước đối với khoa học và công nghệ.

1. Cán bộ lãnh đạo chủ chốt của các cấp ủy đảng, chính quyền cần đi đầu trong học tập tri thức khoa học và công nghệ, thực hiện "khoa học hóa" phương thức chỉ đạo và lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội. Các cấp lãnh đạo Đảng và chính quyền từ trung ương đến địa phương, các ngành kinh tế cần tăng cường nhận thức một cách toàn diện, sâu sắc và cụ thể về vai trò của khoa học và công nghệ trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2. Lãnh đạo cao nhất của các cấp ủy đảng phải trực tiếp quan tâm, chỉ đạo phát triển

khoa học và công nghệ và các hoạt động bảo vệ môi trường của cấp mình, ngành mình. Bố trí những cán bộ, đảng viên có năng lực khoa học và công nghệ chỉ đạo công tác phát triển kinh tế - xã hội.

3. Cải tiến quy trình ra quyết định ở các cấp theo hướng nâng cao trình độ luận chứng khoa học, công nghệ và môi trường trong lựa chọn và quyết định các chủ trương, dự án phát triển của các cấp, các ngành, các địa phương. Các cơ quan ra quyết định nhất thiết phải lắng nghe và tham khảo ý kiến của các nhà khoa học, đặc biệt là các chuyên gia hàng đầu về các dự định quan trọng liên quan đến quốc kế, dân sinh.

4. Hoàn thiện cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ, tăng cường trách nhiệm và hiệu lực của *Hội đồng quốc gia về phát triển khoa học và công nghệ* nhằm tư vấn cho lãnh đạo Đảng và Nhà nước về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thủ tướng Chính phủ trực tiếp phụ trách *Hội đồng phát triển khoa học và công nghệ quốc gia*, thành phần của Hội đồng bao gồm một số nhà khoa học và công nghệ (có thể mời cả người nước ngoài) không kiêm nhiệm và làm việc với nhiệm kỳ 5 năm kịp thời phản biện, lựa chọn các phương án, quyết định và kiểm tra việc thực thi các chủ trương, chính sách có ý nghĩa trọng đại đối với nền khoa học và công nghệ, kinh tế - xã hội của quốc gia.

Hoài nghi: một thói quen của giới trí thức

VĂN NHƯ CƯƠNG

Xin bắt đầu bài viết này bằng một câu chuyện lịch sử: Hơn hai ngàn năm trước đây (từ thế kỷ 3 trước Công nguyên tới thế kỷ 19), hầu như mọi nhà toán học đều tỏ ý hoài nghi một vấn đề trong tác phẩm toán học nổi tiếng của Euclid. Nhà toán học vĩ đại này đã nêu ra mệnh đề về đường song song: "Qua một điểm nằm ngoài một đường thẳng, có không quá một đường thẳng song song với đường thẳng đó", và ông ta cho rằng đó là một tiên đề. Nói khác đi, Euclid cho rằng mệnh đề nêu trên không có thể chứng minh được từ các tiên đề khác, và do đó chúng ta đành phải thừa nhận nó một cách tiên thiên.

Hầu hết các nhà toán học đều cho rằng mệnh đề đó có thể chứng minh được và họ có sức tìm ra cách chứng minh, và nếu họ thành công thì mệnh đề trên không còn là tiên đề nữa mà trở thành một định lý. Sự hoài nghi của họ, như đã nói ở trên, kéo dài hơn hai ngàn năm (một mối hoài nghi kéo dài nhất trong lịch sử khoa học), nhưng không ai chứng minh được sự hoài nghi của mình là đúng.

Cho đến thế kỷ 19, một số rất ít các nhà toán học bắt đầu tỏ ý hoài nghi cái hoài nghi của các nhà toán học trước đó. Hay là chính Euclid đã đúng chứ không phải các nhà toán học hoài nghi đúng? Và rồi vấn đề cũng đã được giải quyết: hóa ra Euclid đã đúng thật. Đã chứng minh được rằng: mệnh đề nói trên của Euclid không thể chứng minh được. Vậy nó đúng là một tiên đề, mà sau này ta gọi là tiên đề 5 của Euclid. Vinh quang này thuộc về 3 nhà toán học: Lobasepski người Nga, Gauss người Đức và Boyai người Hung.

Tuy nhiên cần phải nói rằng, các công trình của các nhà toán học hoài nghi nhằm chứng minh mệnh đề của Euclid mặc dầu không thành công, nhưng đã đóng góp một phần hết sức quan trọng trong sự phát triển của Toán học. Như vậy là sự hoài nghi Euclid và sự hoài nghi cái hoài nghi Euclid đều đã góp phần thúc đẩy nền Toán học tiến lên.

Sau khi đã chứng minh được rằng tiên đề Euclid quả là một tiên đề, nghĩa là chúng ta đành phải thừa nhận nó mà không có một chứng minh nào cả, một vấn đề rất hiển nhiên được đặt ra: Nếu không thừa nhận tiên đề 5 của Euclid thì sao? Câu trả lời là: thì cứ việc và không làm sao cả!! Vì khi ta phủ định tiên đề Euclid, ta đã bước sang một thứ hình học khác, đó là Hình học phi Euclid mà nó có quyền song song tồn tại với Hình học Euclid.

Hoài nghi là một thói quen của các người làm công tác nghiên cứu, và nói chung lẽ của giới trí thức. Chúng ta đang cố gắng tìm ra những quy luật của thế giới tự nhiên và xã hội. Tìm được đúng các quy luật thì mới tìm được đúng các hành động cho phù hợp các quy luật đó, hoặc muốn chống lại một quy luật khắc nghiệt nào đó thì cũng phải tìm ra những biện pháp thích hợp. Tuy nhiên, nhận thức của chúng ta về các quy luật của tự nhiên và xã hội nói chung chỉ là gần đúng, và may mắn thay, càng ngày càng đúng hơn. Một điều chắc chắn là: Không có thói quen hoài nghi thì không thể có hiện tượng "càng ngày càng đúng hơn".

Nếu không có sự hoài nghi của Copernicus và Galileo Galilei về thuyết vũ trụ trọt đó của Aristote và Ptolemy thì không thể có lí thuyết "Nhật tâm" (Thuyết Nhật tâm nó rằng quả đất quay chung quanh mặt trời). Nếu không có sự hoài nghi về "Cơ học cổ điển của Newton thì làm sao có "Thuyết tương đối" của Einstein và Cơ học lượng tử?

Nói chung ta có thể nêu nhiều ví dụ tương tự trong nhiều lĩnh vực khoa học khác nữa. Khi một lí thuyết cũ được thay bằng một tỉ thuyết mới, đúng đắn hơn thì quá trình đó thường bắt đầu bằng những hoài nghi.

Như vậy, thái độ hoài nghi không có gì đáng trách, càng không có gì đáng sợ. Sự tin tưởng một cách mù quáng, thiếu suy xét đối với một lí thuyết đã xơ cứng mới là nguy hiểm mới là đáng sợ vì nó giết chết sự sáng tạo và kìm hãm sự tiến bộ của khoa học. Một số người làm công tác quản lí không có bản lĩnh vững vàng, thường e ngại các nhà trí thức vì họ hay hoài nghi, và như ta thường nói, họ hay đặt ngược lại vấn đề...

Tuy nhiên trên đây chúng ta chỉ nói về sự hoài nghi lành mạnh, hoài nghi có căn cứ. Bởi vì cũng có những kiểu hoài nghi một cách bệnh hoạn: hoài nghi tất cả, không tin vào một điều gì hết. Không có lòng tin hoặc không dũng cảm để bảo vệ lòng tin của mình ta cũng không phải là người trí thức chân chính.

Như trên đã nói, Galiléo Galilei tin vào thuyết vũ trụ của Copernicus và ông bảo vì đến cùng quan điểm của mình. Mặc dù bị Tòa án Giáo hội kết tội nặng nề, câu nói cuối cùng của ông trước phiên tòa vẫn là: "Đầu sao trái đất vẫn quay!".

Tin tưởng một cách thông minh, hoài nghi một cách lành mạnh, đây là những điều cần có trước tiên của một người trí thức.